

Số: **69** /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **27** tháng **01** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực,
ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2022**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm
2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và
Truyền thông;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2022 (Danh mục văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, Sở TTTT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các doanh nghiệp thông tin và truyền thông;
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Tâm

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN THUỘC LĨNH VỰC
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 69 /QĐ-BTTTT ngày 27 tháng 01 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|----|------------------|--|--|--|-------------------|
| 1 | Nghị định | 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 | Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước | Bị thay thế bởi: Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 26/7/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng | 15/8/2022 |
| 2 | Nghị định | 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông | Bị thay thế bởi: Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26/7/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông | 26/7/2022 |
| 3 | Nghị định | 118/2017/NĐ-CP ngày 26/10/2017 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam | Bị thay thế bởi: Nghị định số 87/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam | 01/11/2022 |
| 4 | Nghị định | 02/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2018 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam | Bị thay thế bởi: Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 08/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam | 08/9/2022 |

| | | | | | |
|----|------------|--------------------------------|---|--|------------|
| 5 | Nghị định | 03/2018/NĐ-CP ngày 04/1/2018 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam | Bị thay thế bởi: Nghị định số 92/2022/NĐ-CP ngày 10/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài tiếng nói Việt Nam | 10/11/2022 |
| 6 | Nghị định | 34/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 | Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 02/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Đài Truyền hình Việt Nam | Bị thay thế bởi: Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 08/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam | 08/9/2022 |
| 7 | Quyết định | 51/2007/QĐ-TTg ngày 12/4/2007 | phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010 | Bị bãi bỏ bởi: Quyết định số 25/2022/QĐ-TTg ngày 12/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ | 12/12/2022 |
| 8 | Quyết định | 56/2007/QĐ-TTg ngày 03/5/2007 | phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam đến năm 2010 | Bị bãi bỏ bởi: Quyết định số 25/2022/QĐ-TTg ngày 12/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ | 12/12/2022 |
| 9 | Quyết định | 75/2007/QĐ-TTg ngày 28/05/2007 | phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 | Bị bãi bỏ bởi: Quyết định số 25/2022/QĐ-TTg ngày 12/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ | 12/12/2022 |
| 10 | Quyết định | 50/2009/QĐ-TTg ngày 03/4/2009 | ban hành “Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam” | Bị bãi bỏ bởi: Quyết định số 25/2022/QĐ-TTg ngày 12/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ | 12/12/2022 |
| 11 | Quyết định | 55/2016/QĐ-TTg ngày 26/12/2016 | Về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước | Bị thay thế bởi: Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg ngày 18/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước | 15/02/2022 |
| 12 | Quyết định | 02/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 | Sửa đổi, bổ sung Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được ban hành | Bị thay thế bởi: Quyết định số 38/2021/QĐ-TTg ngày 29/12/2021 | 15/02/2022 |

| | | | | | |
|----|----------|-------------------------------------|--|--|------------|
| | | | kèm theo Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ | của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ | |
| 13 | Thông tư | 25/2011/TT-BTTTT ngày 26/9/2011 | quy định chi tiết và hướng dẫn các hoạt động về tổ chức lễ phát hành đặc biệt tem bưu chính Việt Nam | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 25/2021/TT-BTTTT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tem bưu chính | 01/3/2022 |
| 14 | Thông tư | 02/2012/TT-BTTTT ngày 15/3/2012 | Quy định chi tiết về cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính | Hết hiệu lực bởi: Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính | 01/6/2022 |
| 15 | Thông tư | 23/2012/TT-BTTTT ngày 19/12/2012 | quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về tem bưu chính | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 25/2021/TT-BTTTT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tem bưu chính | 01/3/2022 |
| 16 | Thông tư | 08/2014/TT-BTTTT ngày 30/7/2014 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng cố định do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 12/2021/TT-BTTTT ngày 29/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV)” | 01/5/2022 |
| 17 | Thông tư | 49/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 | Quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo | Bị thay thế bởi: Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà | 15/12/2022 |

| | | | | | |
|----|----------|-------------------------------------|--|---|------------|
| | | | | báo | |
| 18 | Thông tư | 01/2017/TT-BTTTT ngày 16/02/2017 | Ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 19/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm | 02/02/2022 |
| 19 | Thông tư | 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 | Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ | Bị thay thế bởi: Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn Nghị định 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ | 01/10/2022 |
| 20 | Thông tư | 10/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 | quy định về đề tài, thời gian phát hành tem bưu chính kỷ niệm và ấn phẩm tem bưu chính kỷ niệm | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 25/2021/TT-BTTTT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tem bưu chính | 01/3/2022 |
| 21 | Thông tư | 15/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 | Quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông | Bị thay thế bởi: Thông tư số 03/2022/TT-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành thông tin và truyền thông | 15/8/2022 |
| 22 | Thông tư | 40/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 | Sửa đổi Thông tư 25/2015/TT-BTTTT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 30/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi Thông tư 25/2015/TT-BTTTT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông | 15/02/2022 |
| 23 | Thông tư | 45/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 | Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin | Bị bãi bỏ bởi: Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên | 15/8/2022 |

| | | | | | |
|----|----------|-------------------------------------|--|--|------------|
| | | | | ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin | |
| 24 | Thông tư | 07/2018/TT-BTTTT ngày 15/5/2018 | Hướng dẫn thực hiện đặt hàng xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 32/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành | 18/02/2022 |
| 25 | Thông tư | 10/2018/TT-BTTTT ngày 29/6/2018 | Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông | Bị thay thế bởi: Thông tư số 04/2022/TT-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông | 15/8/2022 |
| 26 | Thông tư | 06/2019/TT-BTTTT ngày 19/7/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet | 07/02/2022 |
| 27 | Thông tư | 11/2020/TT-BTTTT ngày 14/5/2020 | Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 02/2022/TT-BTTTT ngày 16/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông | 01/7/2022 |
| 28 | Thông tư | 29/2020/TT-BTTTT ngày 28/10/2020 | Hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin | Bị bãi bỏ bởi: Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin | 15/8/2022 |
| 29 | Thông tư | 01/2021/TT-BTTTT | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số | Hết hiệu lực bởi: | 01/7/2022 |

| | | | | | |
|----|--------------------|---------------------------------------|--|---|------------|
| | | ngày 14/5/2021 | 11/2020/TT-BTTTT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông | Thông tư số 02/2022/TT-BTTTT ngày 16/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông | |
| 30 | Thông tư liên tịch | 06/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 10/3/2016 | Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện | Bị thay thế bởi: Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện | 15/9/2022 |
| 31 | Thông tư liên tịch | 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07/4/2016 | Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông | Bị thay thế bởi Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông | 10/10/2022 |

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|----|------------------|--|---|---|-------------------|
| 1 | Nghị định | 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật bưu chính | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 4 Điều 2 - Điều 3; Điều 5 - Khoản 1, 2 Điều 4 - Điểm g khoản 3 Điều 6; - Điểm c khoản 2 Điều 7; - Điểm c khoản 2 Điều 12; - Khoản 2 Điều 13; - Khoản 5 Điều 15; - Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 - Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VIII, IX, X | <p>Bị sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ bởi:</p> <p>Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính</p> | 01/6/2022 |

| | | | | | |
|---|-----------|--|---|--|------------|
| 2 | Nghị định | 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 1 - khoản 2, điểm d và đ khoản 4 Điều 2 - khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a, b, c, m, n khoản 3 Điều 3 - khoản 1 Điều 4 - khoản 4, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 5 - điểm e khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 6 - khoản 1, 2, 3, 4 Điều 7 - khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, điểm a, b khoản 10 Điều 8 - khoản 1 Điều 10 - khoản 1, 4 Điều 16 - Điểm e khoản 3, khoản 7 Điều 17 - Khoản 1 Điều 19 - Điểm a khoản 2, khoản 7 Điều 20 - Điều 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40, khoản 1 Điều 41 - Điều 34 và 43 | <p>Bị sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ bởi:</p> <p>Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.</p> | 27/01/2022 |
|---|-----------|--|---|--|------------|

| | | | | | |
|---|-----------|---|--|--|------------|
| 3 | Nghị định | 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02//2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 1 - Điểm a, d khoản 2 Điều 2 - Khoản 3 Điều 3 - Khoản 2 Điều 4 - Khoản 1, 2, điểm c khoản 6 Điều 5 - khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 6 - khoản 7 Điều 15 - Khoản 6 Điều 16 - Khoản 3 Điều 24 - Điểm b khoản 4, điểm b khoản 9 Điều 25 - Khoản 3 Điều 40 - Điểm a khoản 1 Điều 46 - khoản 1 Điều 51 - Điểm g khoản 3 Điều 53 - Điểm b và c khoản 6 Điều 55 - Khoản 5 Điều 57 - điểm c khoản 2, khoản 7 Điều 58 - điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 59 - Điểm b khoản 1 Điều 61 - Điểm b khoản 3 Điều 74 - Khoản 2 Điều 84 - Điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 92 - Điểm c khoản 3, điểm b khoản 6, khoản 7, điểm b khoản 9 Điều 94 - Điểm i khoản 3, khoản 4, khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 95 - điểm c khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 96 - điểm a khoản 1 Điều 98 - Điểm đ khoản 1, điểm b khoản 4 Điều 100 - Điều 101 - Điểm d khoản 5 Điều 104 | Bị sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ bởi: Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản. | 27/01/2022 |
|---|-----------|---|--|--|------------|

| | | | | | |
|---|------------|---|--|---|------------|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 114, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 120, Điều 121, khoản 2 Điều 122. - Điểm a khoản 6 Điều 15; - Khoản 3 Điều 17; - Khoản 4 Điều 22; - Khoản 3 Điều 37; - Khoản 7 Điều 42; - Khoản 4 Điều 48; - Khoản 4 Điều 57; - Điểm d, đ khoản 8 Điều 103 | | |
| 4 | Quyết định | 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 1 Điều 5 - Khoản 2 Điều 5 - Khoản 4 Điều 1 Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được ban hành kèm theo Quyết định - Khoản 1, 2, 3 Điều 9 Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được ban hành kèm theo Quyết định | Được sửa đổi, bổ sung bởi: Quyết định số 38/2021/QĐ-TTg ngày 29/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ | 15/02/2022 |
| 5 | Thông tư | 18/2010/TT-BTTTT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông | - Khoản 10, 12, 13, 16 Điều 1 | Bị bãi bỏ bởi: Thông tư số 23/2021/TT-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 18/2010/TT-BTTTT và Thông tư số 29/2011/TT-BTTTT | 01/7/2022 |

| | | | | | |
|---|----------|--|---|--|-----------|
| | | | - Mục 2.1, 2.2, 2.3 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện cho các thiết bị đầu cuối viễn thông, Ký hiệu QCVN 22:2010/BTTTT quy định tại khoản 21 Điều 1 | Bị bãi bỏ bởi: Thông tư số 13/2021/TT-BTTTT ngày 29/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn điện cho thiết bị đầu cuối kết nối mạng viễn thông và công nghệ thông tin” | 01/7/2022 |
| 6 | Thông tư | 16/2013/TT-BTTTT ngày 10/03/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia | - khoản 3 Điều 1 | Hết hiệu lực bởi: Thông tư số 14/2021/TT-BTTTT ngày 29/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ của mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình, âm thanh và các dịch vụ tương tác” | 01/7/2022 |
| 7 | Thông tư | 11/2015/TT-BTTTT ngày 05/5/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Chuẩn kỹ năng nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp | - khoản 4 Điều 1; - khoản 1 Điều 3; - điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 - Phụ lục 5 | Sửa đổi, bổ sung và thay thế bởi: Thông tư số 17/2021/TT-BTTTT ngày 02/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2015/TT-BTTTT ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Chuẩn kỹ năng nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp | 01/6/2022 |

| | | | | | |
|----|----------|--|---|--|------------|
| 8 | Thông tư | 25/2015/TT-BTTTT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông | <ul style="list-style-type: none"> - điểm b khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 7 - Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 8 - Điểm b khoản 1 Điều 9 - Điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 10 - điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 11 - khoản 2, 3 Điều 12 - điểm c khoản 1 Điều 15 - khoản 1 Điều 18 - khoản 1 Điều 19 - khoản 1 Điều 25 - điểm a, b khoản 1 Điều 30 | Sửa đổi, bổ sung bởi: Thông tư số 30/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi Thông tư 25/2015/TT-BTTTT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông | 15/02/2022 |
| 9 | Thông tư | 29/2011/TT-BTTTT ngày 26/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông | - khoản 6, 7, 8, 9 Điều 1 | Bị bãi bỏ bởi: Thông tư số 23/2021/TT-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 18/2010/TT-BTTTT và Thông tư số 29/2011/TT-BTTTT | 01/7/2022 |
| 10 | Thông tư | 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử | Phụ lục I | Sửa đổi, bổ sung bởi: Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử | 02/02/2022 |

| | | | | | |
|----|----------|---|---|--|------------|
| 11 | Thông tư | 22/2014/TT-BTTTT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy hoạch kho số viễn thông | <ul style="list-style-type: none"> - khoản 6, 9, 11, 14, 15, 16 Điều 3 - điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 10 - điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 11 - Điểm a, b khoản 4, điểm a, b khoản 5, điểm b, c khoản 6 Điều 13 - điểm a, b khoản 2 Điều 14 - Phụ lục 1,2, 3, 4 - khoản 10 Điều 10, khoản 2 Điều 11 | Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ bởi: Thông tư số 27/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy hoạch kho số viễn thông | 15/02/2022 |
| 12 | Thông tư | 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet | <ul style="list-style-type: none"> - khoản 15,16,17,18 Điều 2; - Điều 5,6; - khoản 2 Điều 8; - khoản 3,6,7, Điều 10; - Điều 11,12; - khoản 1 Điều 13; - Điều 14,16; - khoản 1 Điều 15; - khoản 1 Điều 20; - Điều 22, 23; - khoản 3 Điều 24; - khoản 1 Điều 25; - Điều 26; - khoản 4,6 Điều 28; - khoản 5 Điều 29 - Phụ lục 03, 10, 11 | Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ bởi: Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet | 07/02/2022 |

| | | | | | |
|----|----------|---|---|---|-----------|
| 13 | Thông tư | 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông | <ul style="list-style-type: none"> - khoản 2, 3 Điều 3 - khoản 2, 3 Điều 4 - khoản 2, 3 Điều 5 - khoản 2, 3 Điều 6 - khoản 2, 3 Điều 7 - khoản 2, 3 Điều 8 - khoản 2, 3 Điều 9 - khoản 2, 3 Điều 10 - khoản 2, 3 Điều 11 - khoản 2, 3 Điều 12 - khoản 2, 3 Điều 13 - khoản 2, 3 Điều 14 - khoản 2, 3 Điều 15 - khoản 2, 3 Điều 16 - khoản 2, 3 Điều 17 - khoản 2, 3 Điều 18 | Được sửa đổi, bổ sung bởi: Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông | 15/8/2022 |
| 14 | Thông tư | 13/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 6, - Khoản 2 Điều 7 - khoản 5, 6 Điều 8 - khoản 3 Điều 9 - Điều 10 - Phụ lục I, II | Được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bởi: Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT ngày 20/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Thông tư sửa đổi 13/2018/TT-BTTTT quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng | 15/9/2022 |

| | | | | | |
|----|----------|---|---|---|------------|
| 15 | Thông tư | 18/2020/TT-BTTTT ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy hoạch băng tần 2300-2400 MHz và băng tần 2500-2690 MHz cho hệ thống thông tin di động IMT của Việt Nam | - Khoản 1, khoản 3 Điều 2 - Các nội dung khác liên quan đến băng tần 2300-2400 MHz | Bãi bỏ bởi: Thông tư số 29/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy hoạch băng tần 2300-2400 MHz cho hệ thống thông tin di động IMT của Việt Nam | 15/02/2022 |
|----|----------|---|---|---|------------|